SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ

HỒ SƠ CÔNG BỐ
CƠ SỞ KHÁM CHỮA BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU LÀ CƠ SỞ THỰC HÀNH TRONG ĐÀO TẠO KHỐI NGÀNH SỨC KHỎE

Hà Tĩnh, tháng 10 năm 2018

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH **BỆNH VIỆN ĐK THÀNH PHỐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 403 /BVĐKTP-KHTH	*Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 10 năm 2018*

BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 109/SYT-GPHĐ do Sở Y tế Hà Tĩnh cấp ngày 07/4/2014.

Địa chỉ: Số 456 đường Hải Thượng Lãn Ông - TP Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: BSCKII. Trần Nguyên Phú

Điện thoại: 0913.294.590 Email: Trannguyenphu@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*

2. Trình độ đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ): *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 1)*

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2).*

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh hoặc ghế răng tại mỗi khoa phòng: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 2)*

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành: *(Danh mục mẫu kèm theo- Phụ lục 3).*

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Quý cơ quan xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

BS. Nguyễn Tiến Vũ

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐK THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
(Tại 1 thời điểm)

TT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/ chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/ đơn vị thực hành	Số lượng người giảng dạy đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học thực hành tối đa theo người giảng dạy	Số giường/ ghế răng tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học thực hành tối đa theo giường/ ghế răng	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Nội Tổng hợp	16	240	100	300	15	210
2	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa I và II	Dạy học TH	Khoa Ngoại Tổng hợp	12	180	65	195	15	150
3	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Khoa Khám bệnh	6	90			0	
4	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSSK người bệnh cấp cứu và HSTC	Dạy học TH	Hồi sức tích cực	5	75	12	36	0	75
5	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và GĐ	Dạy học TH	Khoa Sản	5	75	40	120	0	30

6	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	5	75	75	225	0	45
7	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSSK người bệnh chuyên khoa	Dạy học TH	3 Chuyên khoa	10	150	30	90	0	90
10	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Y học cổ truyền	Dạy học TH	Đông y - PHCN	9	135	75	225	0	135
11	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	CSSK người bệnh Truyền nhiễm	Dạy học TH	Khoa Nội Tổng hợp	16	240	100	300	0	210
12	5720301	Cao đẳng	Điều dưỡng	Thực tế ngành	Dạy học TH	Các khoa LS						
13	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Nội Tổng hợp	6	90	100	300	0	210
14	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Điều dưỡng cơ sở	Dạy học TH	Khoa Ngoại TH	6	90	65	195	0	150
15	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	15	15
16	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc bà mẹ khi mang thai	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	0	15
17	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	15	15
18	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sau đẻ	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	0	15
19	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc Hộ sinh nâng cao	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	0	15

20	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc phụ nữ phá thai	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	0	15
21	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc phụ nữ mãn kinh	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	0	15
22	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc sơ sinh	Dạy học TH	Khoa Nhi	5	75	40	120	0	45
23	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Chăm sóc trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	5	75	75	225	0	45
24	5720303	Cao đẳng	Hộ sinh	Thực tế ngành	Dạy học TH	Khoa Phụ Sản	5	75	40	120	0	30
25	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Nội Tổng hợp	6	90	100	300	0	225
26	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Thực hành Điều dưỡng	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	6	90	65	195	0	165
27	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Bệnh học Nội khoa	Dạy học TH	Nội Tổng hợp	13	195	100	300	0	165
28	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Bệnh học Ngoại khoa	Dạy học TH	Ngoại Tổng hợp	7	105	75	225	15	75
29	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Sức khỏe sinh sản	Dạy học TH	Khoa Phụ	5	75	40	120	15	30
30	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Sức khỏe trẻ em	Dạy học TH	Khoa Nhi	5	75	75	225	15	75
31	5720101	Trung cấp	Y sĩ	Thực tế tốt nghiệp	Dạy học TH	Các khoa LS					0	

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Chị Quỳnh Trâm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

BS. Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỤC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Ngoại khoaI, II

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000137/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	25	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
2	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000399/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
3	Nguyễn Minh Tân	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000213/HT-CCHN	KCB đa khoa hệ Ngoại	5	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
4	Nguyễn Đình Quế	Bác sĩ CKI	GMHS	00595/HT-CCHN	KCB CK Gây mê - Hồi sức	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
5	Dương Văn Vịnh	Bác sỹ	Ngoại khoa	0004429/HT	KCB đa khoa	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65

							II			
6	Võ Quốc Chung	Bác sỹ	Ngoại khoa	004765/HT	KCB đa khoa	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
7	Nguyễn Đình Bảo	Bác sỹ	CK GMHS	0004425/HT	KCB chuyên khoa Gây mê - Hồi sức	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
8	Phạm Văn Tài	Cử nhân	Điều dưỡng	0000859/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
9	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT-CCHN	Chăm sóc người bệnh	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
10	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT-CCHN	Chăm sóc người bệnh	2	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
11	Nguyễn Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	004637/HT-CCHN	Chăm sóc người bệnh	2	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
12	Phan Thị Thanh Loan	Cử nhân	Điều dưỡng	0001011/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Phòng Điều dưỡng	65

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người lớn bệnh Nội khoa I, II

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Nguyên Phú	Bác sĩ CKII	Nội khoa	0001009/HT	KCB Nội khoa	28	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
2	Nguyễn Tiến Vũ	Thạc sĩ	Nội khoa	0001023/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
3	Dương Chí Lực	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0000313/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
4	Hồ Văn Khiêm	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0000956/HT	KCB Nội khoa, đa khoa;	21	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
5	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0000954/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	11	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
6	Hồ Văn Nhẫn	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0002395/HT	KCB Nội khoa, đa khoa		CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
7	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Nội khoa	0003244/HT	KCB Nội khoa, đa khoa;	25	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100

8	Nguyễn Thị Dung	Bác sỹ	Nội khoa	004843/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
9	Phạm Thị Hồng Thuần	Bác sỹ	Nội khoa	004754/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	12	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
10	Thân Hùng Cường	Bác sỹ	Nội khoa	000124/HT	KCB Nội khoa, đa khoa;	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
11	Nguyễn Hải Đăng	Bác sỹ	Đa khoa	005247/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	2	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
12	Đinh Thị Phương Thu	Bác sỹ	Đa khoa	005251/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	1	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
13	Trịnh Thị Huyền	Bác sỹ	Nội khoa	005244/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	1	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
14	Nguyễn Thị Mai Sương	Cử nhân	Điều dưỡng	0004422/HT	Chăm sóc người bệnh	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
15	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT	Chăm sóc người bệnh	11	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
16	Nguyễn Thị Hoài Thu	Cử nhân đại học	Điều dưỡng	0000951/HT-CCHN	Chăm sóc người bệnh 07/10/2015.	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Phòng KHTH	100

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001042/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001026/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
3	Trịnh Lê Vương	Bác sỹ	Sản khoa	0003246/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Sản khoa	0003247/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	21	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
5	Phan Quang Anh	Bác sỹ	Sản khoa	005232/HT	KBCB đa khoa	2	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Thị Thanh Thủy	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000282/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	26	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
2	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	0000880/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	14	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
3	Nguyễn Hồ Đức	Bác sỹ	Nhi khoa	0002388/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	16	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
4	Mai Thị Lệ Quyên	Bác sỹ	Nhi khoa	0002007/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	9	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
5	Nguyễn Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0002921/HT	Chăm sóc người bệnh	2	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ Y học cổ truyền, PHCN

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Ngô Thị Thúy Diễn	Bác sĩ	YHCT	0001878/HT-CCHN	KCB YHCT	24	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y - PHCN	75
2	Nguyễn Công Phong	Thạc sĩ	YHCT	003644/HT-CCHN	KCB YHCT	4	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y - PHCN	75
3	Nguyễn Thị Nhung	Bác sỹ	YHCT	004893/HT	KCB YHCT	3	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
4	Nguyễn Hữu Thương	Bác sỹ	YHCT	0004455/HT	KCB YHCT	13	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
5	Phạm Thị Hương Na	Bác sỹ	YHCT	004895/HT	KCB YHCT	2	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
	Võ Xuân Hồng	Bác sỹ	YHCT	0003646/HT	KCB YHCT	4	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
6	Võ Thị Trang	Bác sỹ	YHCT	004898/HT	KCB YHCT	3	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
7	Võ Thị Hạnh	Bác sỹ	YHCT	004633/HT	KCB YHCT	3	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
8	Trần Văn Vũ	Bác sỹ	YHCT	000068/HT	KCB YHCT	9	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
9	Trần Thị Lý Thu	Cử nhân	Điều dưỡng	0001027/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ Chăm sóc người bệnh cấp cứu và Hồi sức tích cực

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Viết Cường	Bác sĩ CKI	HSCC	0000028/HT	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	19	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Hồi sức cấp cứu	15
2	Lưu Văn Thìn	Bác sĩ CKI	HSCC	0001017/HT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	17	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Hồi sức cấp cứu	15
3	Hồ Quang Hòa	Bác sỹ	Đa khoa	004760/HT	Khám chữa bệnh đa khoa	3	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Hồi sức cấp cứu	15
4	Trần Thị Hoài	Cử nhân	Điều dưỡng	0004464/HT-CCHN	Chăm sóc người bênh	2	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Hồi sức cấp cứu	15
5	Trần Thị Thanh Huyền	Cử nhân	Điều dưỡng	0004423/HT	Chăm sóc người bệnh	3	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Hồi sức cấp cứu	15
6	Nguyễn Đức Minh	Bác sỹ	Nội khoa	000301/HT	Khám chữa bệnh nội khoa, KCB đa khoa	25	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Khám bệnh	15

7	Nguyễn Công Hòa	Bác sỹ	Da liễu	0002654/HT	Khám chữa bệnh chuyên khoa Da liễu, KCB đa khoa	17	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Khám bệnh	15
8	Đặng Thị Trang	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0003237/HT	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	3	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Khám bệnh	15
9	Nguyễn Thị Anh Thư	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng	00010000/HT	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	7	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Khám bệnh	15
10	Phạm Thị Mỹ	Điều dưỡng	Điều dưỡng	0003236/HT	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng cao đẳng	4	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Khám bệnh	15
11	Hoàng Thị Mỹ Linh	Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng	0002834/BTH	Thực hiện nhiệm vụ điều dưỡng	2	CSNB cấp cứu và HSTC	Dạy học thực hành	Khoa Khám bệnh	15

Phụ lục 2 -Cao đẳng Điều dưỡng

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Điều dưỡng/ CSSK người bệnh chuyên khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Văn Tịnh	Bác sĩ CKI	CK Mắt	0000059/HT	KCB chuyên khoa Mắt	12	CSSK người bệnh CK	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
2	Bùi Thị Hải Anh	Bác sĩ CKI	CK TMH	0000997/HT	KCB CK Tai mũi họng	11	CSSK người bệnh CK	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
3	Phạm Tiến Hùng	Bác sỹ RHM	CK RHM	000018/HT	KCB CK Răng hàm mặt	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
4	Ngô Tuấn Anh	Bác sỹ RHM	CK RHM	0000876/HT	KCB CK Răng hàm mặt	6	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
5	Trần Thị Thùy Vinh	Bác sỹ RHM	CK RHM	005233/HT	KBCB chuyên khoa RHM	2	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
6	Võ Thị Hương	Bác sỹ	Nhi khoa	0001014/HT	KCB đa khoa	7	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30

7	Lê Văn Hà	Bác sỹ	Chuyên khoa TMH	0003233/HT	KCB CK Tai mũi họng	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
8	Trần Thị Thắm	Bác sỹ	Chuyên khoa mắt	0004428/HT	KCB CK Mắt, KCB đa khoa	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
9	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	0001038/HT	Chăm sóc người bênh	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
10	Phan Thị Hiền	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng	0000953/HT	Chăm sóc người bênh	6	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30

Phụ lục 2 - Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Điều dưỡng cơ sở

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Nguyên Phú	Bác sĩ CKII	Nội khoa	0001009/HT	KCB Nội khoa	28	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
2	Nguyễn Tiến Vũ	Thạc sĩ	Nội khoa	0001023/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
3	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000137/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	25	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
4	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000399/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
5	Phạm Văn Tài	Cử nhân	Điều dưỡng	0000859/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
6	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT-CCHN	Chăm sóc người bệnh	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
7	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều	0004424/HT-	Chăm sóc	2	CSSK người	Dạy học	Ngoại	65

			dưỡng	CCHN	người bệnh		lớn bệnh Ngoại khoa I	thực hành	Tổng hợp	
8	Nguyễn Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	004637/HT-CCHN	Chăm sóc người bệnh	2	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
9	Phan Thị Thanh Loan	Cử nhân	Điều dưỡng	0001011/HT	Chăm sóc người bệnh	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Phòng Điều dưỡng	65
10	Nguyễn Thị Mai Sương	Cử nhân	Điều dưỡng	0004422/HT	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
11	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	11	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
12	Nguyễn Thị Hoài Thu	Cử nhân đại học	Điều dưỡng	0000951/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Phòng KHTH	100

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc thai nghén, CSSK phụ nữ, Hộ sinh nâng cao

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001042/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001026/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
3	Trịnh Lê Vương	Bác sỹ	Sản khoa	0003246/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Sản khoa	0003247/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	21	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
5	Phan Quang Anh	Bác sỹ	Sản khoa	005232/HT	KBCB đa khoa	2	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc chuyển dạ và sinh đẻ, sau đẻ

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001042/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001026/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
3	Trịnh Lê Vương	Bác sỹ	Sản khoa	0003246/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Sản khoa	0003247/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	21	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
5	Phan Quang Anh	Bác sỹ	Sản khoa	005232/HT	KBCB đa khoa	2	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Chăm sóc sức khỏe trẻ em, sơ sinh

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Thị Thanh Thủy	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000282/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	26	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
2	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	0000880/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	14	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
3	Nguyễn Hồ Đức	Bác sỹ	Nhi khoa	0002388/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	16	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
4	Mai Thị Lệ Quyên	Bác sỹ	Nhi khoa	0002007/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	9	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
5	Nguyễn Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0002921/HT	Chăm sóc người bệnh	2	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75

Phụ lục 2- Cao đẳng Hộ sinh

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Cao đẳng/ Hộ sinh/ Thực tế ngành

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001042/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001026/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
3	Trịnh Lê Vương	Bác sỹ	Sản khoa	0003246/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Sản khoa	0003247/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	21	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
5	Phan Quang Anh	Bác sỹ	Sản khoa	005232/HT	KBCB đa khoa	2	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40

Phụ lục 2 – Y sĩ

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Mỗi bản tại Phụ lục này được trình bày theo từng trình độ/ngành/môn học, học phần: ví dụ: Đại học/Y khoa/Nội; Đại học/Y khoa/Ngoại; ...)

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

Trung cấp/ Y sĩ/ Điều dưỡng cơ sở

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Nguyên Phú	Bác sĩ CKII	Nội khoa	0001009/HT	KCB Nội khoa	28	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
2	Lê Thị Thanh Thủy	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000282/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	26	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
3	Nguyễn Tiến Vũ	Thạc sĩ	Nội khoa	0001023/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
4	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	0000880/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	14	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
5	Nguyễn Hồ Đức	Bác sỹ	Nhi khoa	0002388/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	16	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
6	Mai Thị Lệ Quyên	Bác sỹ	Nhi khoa	0002007/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	9	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75

7	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001042/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
8	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001026/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
9	Trịnh Lê Vương	Bác sỹ	Sản khoa	0003246/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
10	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Sản khoa	0003247/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	21	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
11	Phan Quang Anh	Bác sỹ	Sản khoa	005232/HT	KBCB đa khoa	2	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
12	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000137/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	25	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
13	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000399/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
14	Phạm Văn Tài	Cử nhân	Điều dưỡng	0000859/HT	Chăm sóc người bệnh	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
15	Phùng Thị Ngọc Anh	Cử nhân	Điều dưỡng	0003245/HT-CCHN	Chăm sóc người bệnh	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65

16	Bùi Thị Giang	Cử nhân	Điều dưỡng	0004424/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	2	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
17	Nguyễn Thị Ngọc	Cử nhân	Điều dưỡng	004637/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	2	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
18	Phan Thị Thanh Loan	Cử nhân	Điều dưỡng	0001011/HT	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	6	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Phòng Điều dưỡng	65
19	Nguyễn Thị Mai Sương	Cử nhân	Điều dưỡng	0004422/HT	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
20	Đoàn Thị Nhật Lệ	Cử nhân	Điều dưỡng	0001005/HT	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	11	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
21	Nguyễn Thị Hoài Thu	Cử nhân đại học	Điều dưỡng	0000951/HT-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Phòng KHTH	100

Phụ lục 2 – Y sĩ

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ/ Bệnh học Ngoại khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Hà Long	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000137/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	25	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
2	Lê Quân Thành	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000399/HT	KCB đa khoa hệ Ngoại	12	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
3	Nguyễn Minh Tân	Bác sĩ CKI	Ngoại khoa	0000213/HT-CCHN	KCB đa khoa hệ Ngoại	**5**	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
4	Nguyễn Đình Quế	Bác sĩ CKI	GMHS	00595/HT-CCHN	KCB CK Gây mê - Hồi sức	**6**	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
5	Dương Văn Vịnh	Bác sỹ	Ngoại khoa	0004429/HT	KCB đa khoa	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa II	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65

6	Võ Quốc Chung	Bác sỹ	Ngoại khoa	004765/HT	KCB đa khoa	9	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65
7	Nguyễn Đình Bảo	Bác sỹ	CK GMHS	0004425/HT	KCB chuyên khoa Gây mê - Hồi sức	4	CSSK người lớn bệnh Ngoại khoa I	Dạy học thực hành	Ngoại Tổng hợp	65

Phụ lục 2 – Y sĩ

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ/ Bệnh học Nội khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Trần Nguyên Phú	Bác sĩ CKII	Nội khoa	0001009/HT	KCB Nội khoa	28	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
2	Nguyễn Tiến Vũ	Thạc sĩ	Nội khoa	0001023/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	16	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
3	Dương Chí Lực	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0000313/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
4	Hồ Văn Khiêm	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0000956/HT	KCB Nội khoa, đa khoa;	21	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
5	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0000954/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	11	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
6	Hồ Văn Nhẫn	Bác sĩ CKI	Nội khoa	0002395/HT	KCB Nội khoa, đa khoa		CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
7	Bùi Thị Minh Hoan	Bác sỹ	Nội khoa	0003244/HT	KCB Nội khoa, đa khoa;	25	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100

8	Nguyễn Thị Dung	Bác sỹ	Nội khoa	004843/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	3	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
9	Phạm Thị Hồng Thuần	Bác sỹ	Nội khoa	004754/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	12	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
10	Thân Hùng Cường	Bác sỹ	Nội khoa	000124/HT	KCB Nội khoa, đa khoa;	9	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
11	Nguyễn Hải Đăng	Bác sỹ	Đa khoa	005247/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	2	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
12	Đinh Thị Phương Thu	Bác sỹ	Đa khoa	005251/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	1	CSSK người lớn bệnh Nội khoa I	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100
13	Trịnh Thị Huyền	Bác sỹ	Nội khoa	005244/HT	KCB Nội khoa, đa khoa	1	CSSK người lớn bệnh Nội khoa II	Dạy học thực hành	Khoa Nội Tổng hợp	100

Phụ lục 2 – Y sĩ

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ/ Sức khỏe trẻ em

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Thị Thanh Thủy	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	000282/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	26	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
2	Trần Anh Pháp	Bác sĩ CKI	Nhi khoa	0000880/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	14	CSSK trẻ em I	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
3	Nguyễn Hồ Đức	Bác sỹ	Nhi khoa	0002388/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	16	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
4	Mai Thị Lệ Quyên	Bác sỹ	Nhi khoa	0002007/HT	KCB đa khoa, CK Nhi	9	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75
5	Nguyễn Thị Hương	Cử nhân	Điều dưỡng	0002921/HT	Chăm sóc người bệnh	2	CSSK trẻ em II	Dạy học thực hành	Khoa Nhi	75

Phụ lục 2 – Y sĩ

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ/ Sức khỏe sinh sản

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Nguyễn Thị Tố Hoa	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001042/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	25	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
2	Nguyễn Thế Anh	Bác sĩ CKI	Sản khoa	0001026/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	11	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
3	Trịnh Lê Vương	Bác sỹ	Sản khoa	0003246/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	5	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
4	Trần Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	Sản khoa	0003247/HT	KCB Sản phụ khoa - KHHGĐ	21	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40
5	Phan Quang Anh	Bác sỹ	Sản khoa	005232/HT	KBCB đa khoa	2	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Dạy học thực hành	Khoa Phụ Sản	40

Phụ lục 2 – Y sĩ

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ/ Y học cổ truyền

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Ngô Thị Thúy Diễn	Bác sĩ	YHCT	0001878/HT-CCHN	KCB YHCT	24	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y - PHCN	75
2	Nguyễn Công Phong	Thạc sĩ	YHCT	003644/HT-CCHN	KCB YHCT	4	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y - PHCN	75
3	Nguyễn Thị Nhung	Bác sỹ	YHCT	004893/HT	KCB YHCT	3	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
4	Nguyễn Hữu Thương	Bác sỹ	YHCT	0004455/HT	KCB YHCT	13	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
5	Phạm Thị Hương Na	Bác sỹ	YHCT	004895/HT	KCB YHCT	2	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
	Võ Xuân Hồng	Bác sỹ	YHCT	0003646/HT	KCB YHCT	4	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
6	Võ Thị Trang	Bác sỹ	YHCT	004898/HT	KCB YHCT	3	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
7	Võ Thị Hạnh	Bác sỹ	YHCT	004633/HT	KCB YHCT	3	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
8	Trần Văn Vũ	Bác sỹ	YHCT	000068/HT	KCB YHCT	9	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75
9	Trần Thị Lý Thu	Cử nhân	Điều dưỡng	0001027/HT	Chăm sóc người bệnh	9	Y học cổ truyền	Dạy học thực hành	Đông y- PHCN	75

Phụ lục 2 – Y sĩ

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH TẠI KHOA/ĐƠN VỊ,
SỐ LƯỢNG GIƯỜNG BỆNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Trung cấp/ Y sĩ/ Bệnh Chuyên khoa

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kỉnh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số gường /ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	Lê Văn Tịnh	Bác sĩ CKI	Chuyên khoa Mắt	0000059/HT	KCB chuyên khoa Mắt	12	CSSK người bệnh CK	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
2	Bùi Thị Hải Anh	Bác sĩ CKI	Chuyên khoa TMH	0000997/HT	KCB CK Tai mũi họng	11	CSSK người bệnh CK	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
3	Phạm Tiến Hùng	Bác sỹ RHM	Chuyên khoa RHM	000018/HT	KCB CK Răng hàm mặt	10	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
4	Ngô Tuấn Anh	Bác sỹ RHM	Chuyên khoa RHM	0000876/HT	KCB CK Răng hàm mặt	6	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
5	Trần Thị Thùy Vinh	Bác sỹ RHM	Chuyên khoa RHM	005233/HT	KBCB chuyên khoa RHM	2	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
6	Võ Thị Hương	Bác sỹ	Chuyên khoa TMH	0001014/HT	KCB đa khoa	7	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30

7	Lê Văn Hà	Bác sỹ	Chuyên khoa TMH	0003233/HT	KCB CK Tai mũi họng	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
8	Trần Thị Thắm	Bác sỹ	Chuyên khoa Mắt	0004428/HT	KCB CK Mắt, KCB đa khoa	4	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
9	Phan Thị Huyền Trang	Cử nhân	Điều dưỡng	0001038/HT	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	9	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30
10	Phan Thị Hiền	Cử nhân	Điều dưỡng	0000953/HT	Thực hiện nhiệm vụ ĐD Đại học	6	CSSK NB chuyên khoa	Dạy học thực hành	Ba chuyên khoa	30

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Quỳnh Trâm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

BS. Nguyễn Tiến Vũ

Phụ lục 3
DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ TRIỂN KHAI DỊCH VỤ KỸ THUẬT TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ

1. Khoa Nội

TT	TÊN TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Hệ thống máy nội soi tiêu hóa	2	
2	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
3	Máy điện tim 6 kênh	1	
4	Máy đo chức năng hô hấp	2	
5	Máy đo Lx bằng siêu âm	1	
6	Máy siêu âm màu 4D	1	
7	Máy ghi sóng điện não	1	
8	Bơm tiêm điện	2	
9	Máy truyền dịch	1	
10	Máy khí dung	2	

2. Khoa 3CK

TT		TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	PK TMH	Đèn Clar	1	
2		Lò sấy dụng cụ	1	
3		Hệ thống máy nôi soi TMH	2	
4		Máy phẫu thuật TMH Hammer	1	
5	PK Mắt	Đèn soi đáy mắt	2	
6		máy sinh hiển vi khám mắt	1	
7		Kính hiển vi phẫu thuật mắt	1	
8		Máy laser quang đông		
9		Máy phẫu thuật mắt Phaco	1	
10		Máy đo khúc xạ tự động và độ cong giác mạc	1	
11	PK RHM	Ghế nha khoa	3	
12		Máy laser tẩy trắng răng	1	
13		Máy lấy cao răng siêu âm	1	
14		Nồi hấp tiệt trùng	1	

3. Khoa ngoại

TT		TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	P. Mổ	Bàn mổ đa năng	2	
2		Monitor theo dõi bệnh nhân 7 TS	1	

3		Dao mổ điện cao tần	2	
6		Đèn mổ di động	1	
7		Đèn mổ treo trần	1	
8		Hệ thống khí sạch áp lực dương	1	
9		Đèn mổ treo trần	1	
10		Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng và TMH	1	
11		Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng và TMH	1	
12		Máy gây mê giúp thở	2	
14		Hệ thống rửa tay vô khuẩn	2	
15		Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
16		Máy laser tán sỏi	1	
17		máy phun khử trùng di động	1	
18		Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
19	Khoa ngoại	Máy Laser CO2	1	
20		Bàn kéo nắn chỉnh hình	1	
21		Bơm tiêm điện	1	
22		Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
23		Lò sấy dụng cụ	1	
24		Máy điện tim 6 kênh	1	

4. Khoa CĐHA – Cận lâm sàng

TT		TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	CĐHA	Máy X-quang thường quy	2	
2		hệ thống xử lý phim XQ KTS	2	
3		Máy Xquang cận chóp	1	
4		Hệ thống chụp cắt lớp vi tính	1	
5		Máy siêu âm màu	3	
6		Máy chụp XQ răng toàn cảnh	1	
7		Máy điện tim 6 kênh	2	
8	Xét nghiệm	Máy khí máu	2	
9		Máy ly tâm đa năng	1	
10		Máy XN sinh hóa tự động	2	
11		Máy xét nghiệm đông máu	1	
12		Máy xét nghiệm miễn dịch	1	
13		Máy xét nghiệm huyết học	2	
14		Máy xét nghiệm máu lắng tự động	1	
15		máy xét nghiệm SH nước tiểu	3	
16		Tủ an toàn sinh học cấp II	2	

5. Khoa Nhi

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bơm tiêm điện	2	
2	Máy khí dung thường	4	
3	Máy khí dung siêu âm	2	
4	Máy đo chức năng hô hấp	1	
5	Máy truyền dịch	1	
6	Đèn chiếu điều trị vàng da	1	

6. Khoa Sản

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Bơm tiêm điện	1	
2	Máy soi cổ tử cung	1	
3	máy áp lạnh cổ tử cung	1	
4	Hệ thống rửa tay vô khuẩn	1	
5	Kính hiển vi quang học 2 mắt	1	
6	Máy truyền dịch	1	
7	Monitor sản khoa	1	
8	Monitor sản khoa	1	
9	Máy điện tim 6 kênh	1	

7. Khoa HSCC

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy thở	1	
2	Máy truyền dịch	1	
3	Monitor 7 TH	1	
4	Bơm tiêm điện	2	
5	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 TS	1	
6	Máy thở	1	

8. Khoa PHCN - Đông Y

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy kéo dãn cột sống cổ và lưng	1	
2	Máy siêu âm điều trị	2	
3	Máy Laser điều trị	1	
4	Máy điện xung điều trị	1	
5	Máy trị liệu sóng ngắn	1	
6	Nồi hấp tiệt trùng	1	

7	Nồi sắc thuốc 24 ấm	1	
8	máy nén ép trị liệu	2	
9	Nồi nấu Parafin	1	
10	Máy điện tim 6 kênh	1	

9. Phòng Yêu cầu

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Máy cất nước	1	
2	Hệ thống máy nội soi TMH	1	
3	Máy phát hiện vi khuẩn HP	1	
4	Máy siêu âm màu 4D	1	

10. KSNK

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tủ sấy	1	
2	Tủ sấy	1	
3	Nồi hấp	1	

11. Khoa Dược

TT	TÊN THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Nồi hấp tiệt trùng 300L	1	

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 10 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Chi Quỳnh Trâm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THÀNH PHỐ HÀ TĨNH

BS. Nguyễn Tiến Vũ